

QUESTIONNAIRE FOR GDP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV

Date :

Ngày : 25-7-1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed
questionnaire to :
Gửi số câu hỏi này tới :

I27 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

- | | | | | |
|------------------------|---|--|--------|-----|
| 1. Name | : | LÊ QUANG-THO | Sex : | nam |
| Họ, tên | : | | Phái : | |
| 2. Other Names | : | LÊ HOANG-THO | | |
| Họ, tên khác | : | | | |
| 3. Date/Place of Birth | : | 08-8-1948 xã Long Bình, Bình Đại, Bến Tre | | |
| Ngày/Nơi sinh | : | | | |
| 4. Residence Address | : | Ấp Long Hải, xã Long Bình, Bình Đại, Bến Tre | | |
| Địa chỉ thường trú | : | | | |
| 5. Mailing Address | : | Số 223 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Mỹ Tho (tỉnh Gia | | |
| Địa chỉ thư-tủ | : | | | |
| 6. Current Occupation | : | Làm ruộng | | |
| Nghề nghiệp hiện tại | : | | | |

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHỮ-Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (N), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (U), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Date of Birth : Ngày, tháng, : : năm sinh :	Place of Birth : Nơi sinh :	Sex : Giới tính :	MS : Mã số :	Relationship : Liên hệ : gia đình :
BÀNH NGOC-THU	: 04-11-1952	: Gò Công, Tiền Giang	: nữ	: Sống chung	: V2
Lê Quang Thanh Thủy	: 22-7-1976	: Gò Công, Tiền Giang	: nữ	: "	: Con đẻ
Lê Quang Thanh Tâm	: 18-8-1978	: Gò Công, Tiền Giang	: nữ	: "	: con đẻ
Lê Kim Ngọc Thanh	: 22-8-1984	: Gò Công, Tiền Giang	: nữ	: "	: con đẻ
Lê Tâm Chi Thanh	: 25-11-1986	: Sở Y tế, -	:	:	:
:	:	: Thành phố Hồ Chí Minh nam	:	: 4	: con đẻ
:	:	:	:	:	:
:	:	:	:	:	:
:	:	:	:	:	:
:	:	:	:	:	:

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấ-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấ ly hôn (nếu đã ly dị), -giấ khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thê căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi . Of My Spouse/của vợ/chồng

I. Closest Relative in the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, tên

: Đặng Văn Phi

: Bà NGUYỄN HOA

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: Anh, con của Cậu

: Em Vợ

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ :

- U.S.A -

1984

29. 11. 1982.

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: PHẠM VĂN THANH

: BÀNH KIM PHƯỚC

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: Cậu ruột

: Em Vợ

c. Address

Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh sách toàn-thể gia-đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: Lê Văn Huân, sống, ở ấp Long An, huyện Bình Đại, Bến Tre.

2. Mother

Mẹ

: Phạm Thị Bảy, sống,

3. Spouse

Vợ/Chồng

: Vợ Bành Ngọc Thu, sống,

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có) :

5. Children

Con cái

(1) Lê Quang Thanh Thủy (nữ)

(2) Lê Quang Thanh Tâm (nữ)

(3) Lê Kim Ngọc Thanh (nữ)

(4) Lê Tâm Chí Thành (nam)

(5)

(6)

(7)

(8)

6. Sibling

Anh chị em :

- (1) Lê Kim Khuyên, sống
- (2) Lê Văn Ngọc, chết
- (3) Lê Kim Cường, sống
- (4) Lê Quang Tuấn Xuân, sống
- (5) Lê Kim Ngọc Phước, sống
- (6) _____
- (7) _____
- (8) _____
- (9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn Phòng :

Length of Employment

From :

To :

Thời gian làm việc

Từ :

Tới :

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ :

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn Phòng :

Length of Employment

From :

To :

Thời gian làm việc

Từ :

Tới :

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ :

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn Phòng :

Length of Employment

From :

To :

Thời gian làm việc

Từ :

Tới :

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ :

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF by You or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of person Serving

Họ tên người tham gia :

LÊ-QUANG-THO

2. Dates :

From :

To :

Ngày, tháng, năm

Từ : 27-8-1968

Tới : 30-4-1975

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng :

TRUNG-ÚY

Serial Number :

Số thẻ nhân-viên : 5968/141.124

4. Ministry/Office/Military Unit

Độ/Sở/Đơn vị Binh chủng :

Liên-trần 22 Biệt Động Quân, Quân đoàn II

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/Sĩ-quan chỉ-huy : Trung tá Bùi Văn Huân

6. Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : giã ngũ, 30-4-1975.

7. Name of American Advisor (s)

Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương-trình huấn-luyện Hoa-kỳ tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award :

Date received :

Phần thưởng hoặc giấy khen : Ngày nhận :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes No .)

(CHÚ-Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có. Dương-ơy có không ? Có Có Không .)

G. Training outside Vietnam of You or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoài quốc

1. Name of student/Trainee

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện :

2. School and School Address

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates

Ngày, tháng, năm

From :

Từ :

To :

Tới :

4. Description of Courses

Lô-tả ngành học :

5. Who paid for training ?

Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện ? :

(NOTE : Please attach copies of diplomas or Orders, if available. Available ? Yes No .)

(CHÚ-Ý : Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không ? Có Không .)

II. Re-education of You or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation

Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LÊ-QUANG-THỌ

2. Time in Reeducation

From :

To :

Thời gian học-tập

Từ : 30-4-1975

Tới : 18-02-1976

3. Still in Reeducation ?

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo ?

Có :

Không :

Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks ?/Ghi chú phụ-thuộc

- Vì nhân viên hồ khẩu ở xã ấp nông thôn nên viết lộn và rất khó
đọc chính, như : Lê Quang Thọ viết Lê Hoàn Thọ, 1948 viết 1938.
- giấy xét trại đã nộp ở Huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày : 25-7-1988

J. Please list here All Documents Attached to this Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 8 hình 4x6, 01 giấy gọi chầu đến trại lãnh cơm, 01 giấy hôn thú

- 04 bản Khai-Sanh.

NAM - PHẦN

TỈNH GÒC CÔNG

QUẬN : HÒA - LẠC

XÃ : LONG - THUẬN

Số hiệu : 53

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH - LỤC BỘ HÔN - THƯ NĂM 1972 BỰC



Tên họ người chồng	Lê-quang-Thọ
Sanh ngày nào	Ngày 8 tháng 8 năm 1948
Sanh tại chỗ nào	Long-Phụng, Kiên-Hòa
Tên họ cha chồng	Lê-văn-Huân (sống)
Tên họ mẹ chồng	Phan-thị-Bảy (sống)
Tên họ người vợ	Bành-ngọc-Thu
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh
Sanh ngày nào	ngày 4 tháng II năm 1952
Sanh tại chỗ nào	Thành Phố Gocong
Tên họ cha vợ	Bành - Chung (sống)
Tên họ mẹ vợ	Huỳnh-thị-Hộ (sống)
Ngày kết hôn	Hai mươi lăm tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.

Chứng thật chữ ký bên đây
là của Ủy - Viên Hộ - Tịch Xã Long - Thuận
Gò Công, ngày tháng năm 19

TL. TỈNH - TRƯỞNG,
Trưởng-Ty Hành-Chánh,

Miễn Thị-Tịch:

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH :

Long-Thuận, ngày 30 tháng 5 năm 19 72
Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Nguyễn Văn Huỳnh

HO CHI MINH City 25-7-1988.

To: Mr. DIRECTOR.

ODP OFFICE.

Subject: Request for US special immigrant Visa former
Trung úy Lê Quang Thọ ARVN - RVN.

Dear Sir:

I undersigned LÊ QUANG THO, 40 years of age
residing at Long Định, Bình Đại, Bến Tre Province beg
to request for following favor

As a former officer of ARVN I wish that my name be
recorded in this rare favor for Emigrating to the U.S.A

Below is my curriculum vital:

Name: LÊ QUANG THO date, place of birth: 08-8-1948
Long Định, Bình Đại, Bến Tre province

Rank: Trung úy

Serial number: 68/14.1124.

Unit:

- From: 1968 to 1972 - Khóa 76/8 SA Thủ Đức 7/68
- Sư đoàn 21BB - Cần Mau.

- From: 1972 - 1975: Học Khóa 41 SA / CB Hàm Chánh
Lữ Chánh, Sĩ HCTC 8, LP 22
Biệt Động Quân.

Reeducation: 9 tháng

List of members of my family:

Full name	Date, place of birth	Present address	Relationship
Hàns Ngọc Châu	4-11-1952	Ấp Long Hội, xã Long Định, Bình Đại, Bến Tre	vợ
Lê Quang Chánh Thi	22-7-1976 Xã Long - Tiên Giồng	"	con đẻ.
Lê Quang Chánh Tâm	18-8-1978 Xã Long - Tiên Giồng	"	"

Lê Kim Ngọc Thành	22 - 8 - 1984	Ấp Long Hội, xã Long Giông, Tân Giang	con đẻ
Lê Tâm Chí Thành	25 - 11 - 1988	Đĩnh, Đĩnh Đại, Bentre Sở y tế thành phố Hồ Chí Minh	"

Respect fully yours

Uh

Lê Quang Thọ

Đĩnh Kềm:

- 8 tấm ảnh 4x6
- 1 giấy ra trại
- 1 Bức hôn thú
- 4 Bức Khẩu số.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH BẾN TRE

Số: 005935 CN

Họ và tên chủ hộ: Bà N. Ngọc Phư

Số nhà: _____

Đường phố, ấp: Lung Mối

Thị trấn, phường, xã: Lung Quới

Huyện, thị xã: Định Hải

Ngày 27 tháng 02 năm 1966

Trưởng công an Nguyễn Văn 2 - D.

Tập số: II

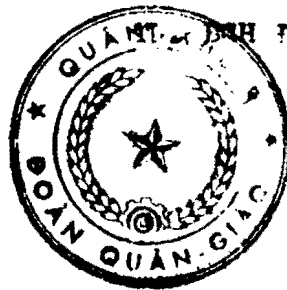
Trang số: 58

Quân Khu 9
Đoàn quân giáo
Số : 02/QĐ
★

Ngày 03 tháng 02 năm 1976

Đoàn quân giáo 1 : Ông Lê Văn Hải

Đúng 09 giờ ngày 18 tháng 02 năm 1976 . Có mặt tại trại
Trần quốc Toàn (Cao lẫm) để bảo lãnh . Con
tên là : Lê Quang Thọ
Về sum họp với gia đình theo chính sách của chính
phủ cách mạng cộng hòa Miền nam .



Đoàn quân giáo .

Ng: Văn Chuẩn



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT 3/P3

Xã, Thị trấn: Dinh HòaThị xã, Quận: Bình ĐạiThành phố, Tỉnh: Bến Tre

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 71Quyển số 2

Họ và tên:

LÊ Quang Thanh - TâmNam, nữ nữSinh ngày
tháng, năm18 - 08 - 1978 tháng Tám, năm
miếu, năm niên ngân chính trăm,
bảy miếu Tam

Nơi sinh

Thành phố Hồ Chí Minh - Tỉnh Bến Tre

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)LÊ Quang Thọ
Sinh năm: 1938Bành Ngọc Tâm
Sinh năm: 1952Dân tộc
Quốc tịchKinh
Việt NamKinh
Việt NamNghề nghiệp
Nơi ĐKNK thường trúThợ cắt giấy - số 103 năm
Đã khai - nghề, thành phố
Hố Thọ Tỉnh Bến TreThợ may xã Dinh Hòa
Huyện Bình Đại Tỉnh
Bến TreHọ, tên, tuổi, nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khaiBành Ngọc Tâm - xã Dinh Hòa, Huyện Bình Đại
Tỉnh Bến Tre
số giấy chứng minh: 320308209

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 12 năm 1981Đã ký ngày 12 tháng 12 năm 1981

(Ký tên đồng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Huyện Bình Đại ký tên đồng dấuChủ tịch
Nguyễn Văn Tâm

MÃn HT 3/P3

Thành phố, Tỉnh Bến Tre

Số 70
Quyển số 2

[illegible]

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ký tên đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Lạng Láng
Thị xã, Quận Bến Đại
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc
BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 3232
Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN	<u>LÊ Kim Ngọc Thanh</u> Nam, NO, Nữ	
Sinh ngày tháng, năm	<u>22-8-1984</u> Hai hai tám một chín tám bốn	
Nơi sinh	<u>Nhà bảo Sơn Gò công, Tỉnh tiền giang</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>LÊ hồng Thọ</u> <u>1938</u>	<u>Bànl ngọc Thu</u> <u>1952</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKKK thường trú	<u>Chủ ý xã</u> <u>ấp Long Hối</u>	<u>Thợ may</u> <u>ấp Long Hối</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Bànl ngọc thu 1952 ấp Long Hối xã</u> <u>Long Sơn - Bến Đại - Bến Tre</u> <u>CMND số: 320308200</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 9 năm 1984

ỦY BAN NHÂN DÂN xã Lạng Láng ký tên đóng dấu



Trần Thanh Huân

Viết ký ngày 17 tháng 9 năm 1984

(Ký tên đóng dấu ghi số chứng minh)

P. chủ tịch
(đo' ký)

Trần Thanh Huân



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn Long Định
Thị xã, Quận Bình Đại
Thành phố, Tỉnh Bến TreBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 3621Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>LÊ TÂM CHI THANH</u>		Nam, nữ <u>nam</u>																				
Sinh ngày tháng năm	<u>25.11.1986</u> Hai mươi lăm - tháng mười một năm một chín tám sáu																						
Nơi sinh	<u>Số 9 y tế Thành phố Hồ Chí Minh</u>																						
Khai về cha mẹ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>CHA</th><th>MẸ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)</td><td><u>LÊ HOÀNG THO</u> <u>1938</u></td><td><u>BÁNH NGỌC THU</u> <u>1952</u></td></tr> <tr> <td>Dân tộc</td><td><u>kinh</u></td><td><u>kinh</u></td></tr> <tr> <td>Quốc tịch</td><td><u>Việt Nam</u></td><td><u>Việt Nam</u></td></tr> <tr> <td>Nghề nghiệp</td><td><u>Làm ruộng</u></td><td><u>Làm ruộng</u></td></tr> <tr> <td>Nơi ĐKNK thường trú</td><td><u>ấp Long Hội - xã Long Định</u></td><td><u>ấp Long Hội - xã Long Định</u></td></tr> <tr> <td>Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai</td><td colspan="2"><u>LÊ VĂN QUẢN</u> <u>Long Hội - Long Định - Bình Đại - Bến Tre</u></td></tr> </tbody> </table>			CHA	MẸ	Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ HOÀNG THO</u> <u>1938</u>	<u>BÁNH NGỌC THU</u> <u>1952</u>	Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>	Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	Nơi ĐKNK thường trú	<u>ấp Long Hội - xã Long Định</u>	<u>ấp Long Hội - xã Long Định</u>	Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>LÊ VĂN QUẢN</u> <u>Long Hội - Long Định - Bình Đại - Bến Tre</u>	
CHA	MẸ																						
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ HOÀNG THO</u> <u>1938</u>	<u>BÁNH NGỌC THU</u> <u>1952</u>																					
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>																					
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>																					
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>																					
Nơi ĐKNK thường trú	<u>ấp Long Hội - xã Long Định</u>	<u>ấp Long Hội - xã Long Định</u>																					
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>LÊ VĂN QUẢN</u> <u>Long Hội - Long Định - Bình Đại - Bến Tre</u>																						

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 07 năm 1988TM/UBND Xã Long Định ký tên đóng dấuĐã ký ngày 12 tháng 07 năm 1988TM/UBND Xã Long Định ký tên

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Phạm Văn
Trần Văn
Đoàn Văn



LE Quang THO
56/1 HAI BA TRUNG
GO CONG DONG.

VIET NAM

9 months

PAR AVION



TO:

MINH THO KHUC.

PO BOX 5435 ARLINGTON

VA 22 205 - 0635

U.S.A.



15m 7131